



VĂN HOÁ TINH THẦN CỦA NGƯỜI MƯỜNG XÃ THÀNH LONG (HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ)

BÙI THỊ HUỆ

Người Mường ở Thanh Hoá gồm hai bộ phận: Mường Trong và Mường Ngoài. Mường Trong là cư dân bản địa, sinh sống lâu đời ở Thanh Hoá. Mường Ngoài (hay còn gọi là Mường *Chềnh*, Mường *Đáo*) chủ yếu từ Hoà Bình, Ninh Bình di cư vào. Người Mường ở xã Thành Long (huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá) thuộc Mường Ngoài, tự gọi (xung) là *Mol*, con *Mol* (tức là người và con người). Theo gia phả họ Đinh Xuân, nhóm người Mường đầu tiên di cư vào Thành Long là vào năm Mậu Tuất (1838) Minh Mệnh thứ 18.

Bài báo này thử tìm hiểu đời sống văn hoá tinh thần của người Mường xã Thành Long tín ngưỡng tôn giáo, lễ hội và các loại hình văn hoá dân gian truyền thống (trước năm 1945), nhằm góp phần bảo vệ, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá của người Mường trong giai đoạn hiện nay.

1. Tín ngưỡng tâm linh

Người Mường ở Thành Long tin vào thuyết vạn vật hữu linh (vạn vật đều có linh hồn); thực hiện một số nghi lễ thờ gò mối, cây to, ma trời, tổ tiên, Bà cô, nhân thần ở các nghề, đền; nh-ng phổ biến nhất là thờ cúng tổ tiên, Bà cô và nhân thần.

- *Thờ cúng tổ tiên* là hình thức tín ngưỡng lâu đời và phổ biến nhất trong đời sống tinh thần của người Mường. Đối với người Mường Thành Long thờ cúng tổ tiên xuất phát từ quan niệm về hồn vía và cuộc sống sau cái chết. Khác với người Việt, người Mường ở đây quan niệm con người có một vía (tiếng Mường gọi là *Vai*, *Wai*) và hồn cũng là vía. Người dân ở đây coi phần vía (hồn) và phần xác là hai bộ phận không thể tách rời tạo nên một con người hoàn thiện. Do vậy, người ở đâu thì vía ở đó. Nếu vía xa rời người, hay vía bị lạc hoặc không vui thì con người không khoẻ mạnh. Vía gồm vía yếu, vía mạnh tùy theo từng người, nên người Mường ngày xưa làm vía là phổ biến. Người ta làm vía để người ốm khoẻ lại, người khoẻ cũng làm vía cho yên cửa, mát nhà. Người lạc vía làm vía với hy vọng vía nhớ mà quay về. Trẻ em yếu vía hơn người lớn, nên thường xuyên phải kêu vía khi đi khỏi nhà. Khi người chết đi, vía thành ma và sống ở Mường Ma cùng ông bà tổ tiên. Thời gian đầu vía chưa đi về hẳn thế giới bên kia mà vẫn lẩn khuất ở thế giới người sống. Người chết sau 100 ngày thì làm giỗ đầu, sau 3 năm - làm lễ “*Đổ đem*” (tháo tang).

Lúc này người chết coi như không còn sự ràng buộc với người sống. Người Mường không có tục làm giỗ và bốc mả. Những người chết già, chết bệnh đều được cúng mo. Những người chết bất đắc kỳ tử, chết trẻ không được làm ma hay cúng mo; thường được chôn vào ban đêm để không nhí đường về quấy nhiễu người sống và họ không phải là đối tượng thờ cúng tổ tiên.

Người Mường quan niệm, ở Mường Ma, người chết cũng cần có những vật dụng như người sống. Cho nên, khi một người tắt thở thì đồ đạc của họ được bỏ hết vào “*cây khăng*” (quan tài). Họ được sắm một đôi dép mới, một cái mũ hoặc cái nón để lên mộ. Khi mộ đắp xong, con cháu thường đi kiếm củi khô bó thành một bó, lấy một bình nước đặt lên mộ với quan niệm nước và lửa là hai thứ cần thiết nhất cho cuộc sống. Người ta tin rằng ở thế giới bên kia, tổ tiên sẽ phù hộ và giúp đỡ cho người vừa mất có một cuộc sống tốt hơn cuộc sống mà họ đã từng có ở trên trần gian. Người chết cũng vẫn chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống và phù hộ cho gia đình, người thân trong nhà. Chính vì vậy, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên từ xưa đến nay vẫn giữ vị trí quan trọng nhất trong đời sống tâm linh của người Mường Thành Long.

Ban thờ (*chường sò*) tổ tiên được đặt ở gian giữa ngôi nhà. Ban thờ được làm đơn giản, bằng các thanh tre, luồng hoặc gỗ ghép lại. Thờ tổ tiên chủ yếu là thờ các thành viên bên nội; hiếm thấy thờ cả bên ngoại. Việc cúng tổ tiên được tiến hành vào ngày lễ, ngày tết, khi nhà có đám ma, đám cưới. Vào ngày tết, việc thờ cúng diễn ra từ 12h đêm 30 Tết đến hết ngày mùng một. H-ơng phải

được thắp liên tục cho hết ngày mùng 1, đến chiều tối thì hạ lễ. Người Mường Thành Long không cúng vào ngày mùng 3 Tết để đưa tiễn tổ tiên như một số nơi khác.

Với người Mường Thành Long, ông Mo là người đảm trách về phần vía người chết, còn ông Trượng đảm nhận phần vía của người sống (làm vía). Trong các nghi lễ thờ cúng tổ tiên, ông Mo là trung gian giao tiếp giữa người sống và tổ tiên ở thế giới bên kia, bằng những bài mo. Trong những đám mo khác nhau thì ông Mo thường có những bài mo khác nhau. Chẳng hạn, trong đám ma người bố, một đoạn mo nhắc các con, mà ông Mo nói lại rằng:

Đến bữa hôm nay ngày nì (ngày)

Bố đi chết đi chà

Nên ma chẳng còn thấy nữa con hồi...

Con hãy ăn lảng ở lại

Cùng dâu cùng mại

Cùng cái cùng con

Ở lại cùng quê cùng quán...

Con em thì phải tai sáng

Cái anh, cái chị

Phải tai điếc, tai lành...

Chớ nên làm chi khi chưa chắc

Chớ làm khổ, làm nhục cho nhau

Để cho con nhà người

Người ta nhắc đến tên

Người ta nói con côi chẳng có bố

Lúc nì khi đó

Bố mẹ dưới Mường cái ma

Bố ăn chẳng yên

Mẹ nằm chẳng ấm

Con hỡi...

Ông Mo hầu như không thể vắng mặt ở trong những ngày lễ, ngày tết và những ngày có tổ chức thờ cúng tổ tiên trong các gia đình người Mường ở Thành Long trước đây. Hiện nay, những người biết mo hầu như rất ít.

- *Thờ Bà cô* nằm trong hệ thống thờ cúng tổ tiên ở các gia đình người Mường ở Thành Long, mà đối tượng là những người phụ nữ bị chết khi chưa có chồng. Bàn thờ Bà cô được đặt riêng rẽ ở một gian khác trong nhà với vị trí cao hơn bàn thờ tổ tiên và được trang trí cầu kỳ và đẹp mắt. Có ý kiến cho rằng tục thờ cúng Bà cô của người Mường là một dạng của tục thờ Mẫu, lại có ý kiến ngược lại chính tục thờ cúng Bà cô được tục thờ Mẫu tiếp thu ảnh hưởng. Cho đến nay, vẫn chưa có câu trả lời xác đáng cho nguồn gốc của tục thờ cúng này. Bà cô trong tâm thức của người Mường không chỉ là người thân, mà còn là một quản gia vô hình trong gia đình, chăm sóc nhà cửa và phù hộ độ trì cho con cháu. Bà cô không phải là đối tượng để cúng mo Mường. Việc cúng Bà cô do người phụ nữ trong gia đình đảm nhiệm; th-ờng cúng trùng với thời gian thờ cúng tổ tiên và ngày rằm. Trong các gia đình có một số việc kiêng cử như không đặt tên con trùng với tên Bà cô; không gọi tên húy của Bà cô (người Mường khi nhắc đến Bà cô thì gọi là: *ạ n đại, mụ đại, con đại*). Người dân ở đây tin rằng Bà cô luôn dõi theo cuộc sống hàng ngày của họ và phù hộ cho họ trong mọi công việc.

- *Thờ nhân thân*: Trước năm 1945, ở xã Thành Long thường tổ chức Đại lễ vào

ngày 15 tháng 2 và Lễ mừng cơm mới vào ngày 15 tháng 10 hàng năm. Cả hai lễ này đều tổ chức ở đình làng Tế Hộ (nay là thôn Thành Công và thôn Thành Minh). Các lễ này là rước bát hương của hai vị Thần là Cao Sơn Đại Vương (thôn Thành Công) và Liễu Hạnh Công Chúa (thôn Thành Minh). Những người tham gia là đàn ông từ 16 tuổi trở lên. Phụ nữ không được đến đình tham gia hai lễ này. Đồ tế lễ thường là thịt lợn luộc được bỏ trong những vuông lá chuối, xôi, rượu và nước suối. Trong Lễ mừng cơm mới không thể thiếu các món cá đồ, cá kho với quả tai chua. Chủ tế thường là Tiên chỉ và có hai phụ tế là Đông xướng và Tây xướng; cả ba đều mặc áo thụng xanh, khăn xếp rồi tế lạy. Sau lễ tế này, có tổ chức ăn uống tại đình nhưng không tổ chức hội hè, văn nghệ, vui chơi tại đình như các nơi khác. Sau năm 1953, nghề và đình làng Tế Hộ đều bị phá bỏ, hai lễ này dần đi vào quên lãng và hầu như không còn ai biết đến nữa.

2. Một số phương thuật

Một số phương thuật nh- yểm bùa, bùa yêu, *nèm moong* được dùng phổ biến trong gia đình người Mường ở xã Thành Long trước năm 1945.

- *Yểm bùa (yểm)* được thực hiện bằng cách yểm vào một vật nào đó thuộc vào đối tượng bị yểm bùa. Đây là loại bùa chú làm hại mà mọi người đều rất sợ hãi. Họ tin rằng những ai bị bùa sẽ bị ốm đau, điên loạn hoặc có thể chết. Loại bùa chú này tồn tại rất lâu đời ở đây. Một loại bùa khác cũng là yểm bùa nhưng là yểm bùa phòng tránh với hình thức yểm vào các vật dụng trong gia đình để cho người khác không

thể lấy cấp được. Ở Thành Long thực tế không tồn tại loại bùa này mà chỉ là sự tưởng tượng và gán ghép cho một đối tượng nào đấy mà họ có ác cảm.

- *Bùa yêu* được coi là bùa phổ biến và mạnh nhất của người Mường. Mọi người đều tin rằng bùa yêu có thật và nó có một quyền lực điều chỉnh và sai khiến được tâm lý, ý thức của con người. Mục đích của sử dụng bùa yêu là bắt đối tượng bị bùa phải yêu lại người bỏ bùa. Người sử dụng bùa yêu có thể là nam hoặc nữ và nếu không có bùa trong tay thì có thể nhờ người khác làm giúp. Những đối tượng sử dụng bùa là thanh niên đến tuổi lập gia đình. Người ta bỏ bùa bằng cách lấy một vật dụng hoặc một bộ phận nào đó trên cơ thể như tóc, móng tay... của đối tượng bị bỏ bùa. Và họ tin rằng người bị bỏ bùa đó sẽ yêu lại họ. Có hai điều kiện mà người làm bùa phải chấp nhận khi sử dụng bùa yêu. Một là phải chấp nhận lúc “nhặt bùa” vì cuộc sống gia đình sẽ không còn đầm ấm; sẽ phát sinh những mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng không hợp tạo nên. Hai là hai người lấy nhau bằng bùa yêu sẽ cùng chết một ngày, nếu một trong hai người chết đi mà chưa kịp giải bùa thì khi người chết ra khỏi cổng thì người còn lại cũng đột ngột ra đi.

- *Nèm moong* là một loại bùa chú để quản lý muông thú và chỉ tồn tại trong giới thợ săn thú rừng mà thôi. Theo người dân địa phương, khi người ta có *Nèm moong* trong tay, tức là họ đã quản lý muông thú ở khu vực đó và muông thú phải phục tùng mệnh lệnh của họ. Trong trường hợp những người này đi săn, khi vào rừng đến một nơi nhất định, họ sẽ bẻ một cành lá khoanh tròn

một vòng đất lại; sau đó, họ cắm cành lá vào giữa khoanh đất ấy và đọc bùa chú, lập tức con thú họ muốn săn sẽ từ rừng đi ra quỳ ngay chỗ cắm cành lá để người thợ săn bắt mang về. *Nèm moong* là một loại bùa chú có luật riêng, rất khắc nghiệt. Người thợ săn chấp nhận sử dụng *Nèm moong* thì cũng phải chấp nhận sống cô độc cả đời, không vợ, không con. Theo tương truyền, có trường hợp lấy vợ về không có con, có người lấy đến 9 vợ mà vẫn không có con, có người thì vợ chết, con chết...

Trên đây là ba trong số các phương thuật của người Mường xã Thành Long. Các phương thuật này có người tin hoặc không tin. Tuy nhiên, chúng cũng đã tồn tại rất nhiều năm, có một số tác động đến tâm lý của người dân làm họ hoang mang, sợ hãi. Cho đến nay, những bùa chú này không còn được nhắc đến và đi vào quên lãng.

3. Tôn giáo

Trước năm 1945, đạo Phật hầu như không có ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của đồng bào Mường, xã Thành Long. Phần lớn dân cư ở đây (hơn 70%) theo đạo Thiên chúa. Toàn xã có 5/6 thôn người Mường theo công giáo, với bốn họ giáo là Tế Hộ, Tây Trác, Du Nghi và Eo Dốc thuộc giáo xứ Vân Lung, một giáo xứ lớn ở Thạch Thành.

Thiên Chúa giáo được truyền bá vào khu vực Vân Lung từ cuối thế kỷ XIX do các giáo dân người Mường ở Hoà Bình, Ninh Bình di cư vào làm ăn sinh sống và thành lập các giáo họ. Ban đầu các giáo dân sinh hoạt ở giáo xứ Kẻ Bền (huyện Vĩnh Lộc). Đến năm 1912, giáo xứ Vân Lung được thành lập và trở thành một giáo xứ

lớn, thu hút nhiều gia đình người Mường gia nhập đạo Ki-tô. Từ khi đạo Thiên Chúa du nhập vào, tín ngưỡng dân gian bị thu hẹp, giáo lý của Ki-tô giáo cự tuyệt với tín ngưỡng và các nghi lễ dân gian. Đặc biệt, khi các nghề và đình bị phá bỏ, Thiên Chúa giáo lại có cơ hội phát triển. Trước đây, giữa bên lương và bên giáo đã xảy ra mâu thuẫn và hầu như không giao lưu với nhau. Hiện nay, nhờ chính sách tôn giáo của Đảng, vấn đề tôn giáo trên địa bàn không còn phức tạp nữa.

4. Lễ hội và các loại hình văn hoá dân gian

4.1. Các lễ hội

Ngày tết Nguyên Đán của người Mường thường kéo dài 10 ngày (từ ngày 1 đến 10 âm lịch). Trong tết Nguyên Đán, ngoài thờ cúng tổ tiên, trong bản Mường còn có lễ dâng cúng các vị thần linh bảo trợ, che chở cho làng bản được yên lành, no ấm. Hiện nay, người ta chỉ thờ cúng trong phạm vi gia đình. Ngày mừng một Tết, con cháu tập trung về nhà cha mẹ, tổ chức cúng tổ tiên. Trong các bản Mường thường tổ chức các trò chơi dân gian như: đánh mông (đây là trò chơi tập thể dành cho phụ nữ Mường), thi bắn nỏ, đánh cù, các hội cò, hát sắc bùa.

Hội cò được tổ chức từ ngày mừng 2 đến mừng 10 Tết, dành cho nam nữ thanh niên các làng giao lưu với nhau. Trong cùng một làng, nam - nữ thanh niên không ném cò với nhau. Trò chơi nẩy thu hút được rất nhiều người tham gia cổ vũ, hoà chung câu hát chúc nhau hạnh phúc, làm ăn phát đạt. Qua hội ném cò, nhiều đôi nam - nữ đã tìm đường mở lối gặp nhau. Có rất nhiều người đã nên vợ nên chồng từ hội cò - một sân

chơi lành mạnh, một nét đẹp trong sinh hoạt văn hoá của người Mường trước đây.

Hát sắc bùa là hoạt động văn hoá đặc sắc của người Mường xã Thành Long. Nếu như ở các Mường khác tung bưng trong hội công chiêng, thì ở Thành Long lại rộn ràng theo tiếng chiêng phùng hát sắc bùa đến từng ngõ xóm trong dịp đầu Xuân mới. Đây là một hoạt động hàng năm được tổ chức từ ngày mừng 1 đến ngày mừng 7 tết Nguyên Đán.

Trong ngày tết, các gia đình đều mong đón phùng bùa vào nhà để nghe những lời *Xường* hay, những lời chúc tốt đẹp trong năm mới. Cứ thành thông lệ đến tết các gia đình đều mở rộng cửa chuẩn bị gạo để biếu phùng bùa. Gia đình nào đón được nhiều phùng bùa vào nhà thì sẽ may mắn trong cả năm. Đây là một món ăn tinh thần được trông đợi nhất trong những ngày tết đến, xuân về. Hiện nay, phùng bùa không còn được tổ chức nữa.

4.2. Văn hoá dân gian

Văn hóa dân gian của người Mường Thành Long bao gồm: truyện cổ dân gian, tục ngữ, hát ru, hát xường, bộ mệng, mo. Hầu hết các loại hình văn nghệ dân gian đều là các áng thơ được diễn xướng nên dễ nhớ, dễ hiểu và dễ thuộc. Trước năm 1945, vùng đất Thành Long khép kín trong cộng đồng người Mường nơi thung sâu, rừng thẳm. Do vậy, các hoạt động văn hoá dân gian trở thành một bộ phận không thể thiếu trong đời sống tinh thần của đồng bào. Một nền văn học dân gian phong phú, đồ sộ tồn tại gắn bó mật thiết với đời sống tinh thần của người dân và cho đến nay hầu như chưa được một nhà nghiên cứu nào đề cập đến vấn đề này.

Bước đầu, xin giới thiệu Mo sử thi và Xường - hai thể loại văn học dân gian, vè được lưu truyền khá phổ biến trong cộng đồng Mường xã Thành Long trước đây.

- *Mo Mường* thuộc thể loại dân ca nghi lễ, gắn liền với các lễ dân gian, phần lớn do tầng lớp Mo, Trượng đảm nhiệm. Hầu như mỗi vùng, mỗi miền, mỗi nỏ mo lại thường có những bài mo khác nhau. Tiêu biểu cho thể loại mo sử thi là bài mo “Đề đất đề nước”. Trước năm 1945, ở Thành Long bài mo này nằm trong loại văn cúng, được sử dụng trong tang ma. Áng mo này kể lại lai lịch của vũ trụ khi trời còn mông lung, đất mênh mông cho đến khi ông Thu Tha, bà Thu Thiên phân chia trời đất, từ cây si sinh ra mù Dạ Dần, qua bàn tay sáng tạo tài tình của mù Dạ Dần muôn loài và con người xuất hiện, lớp người đầu tiên phải kể đến Đá Cắn:

Ông Lang cun Cắn đã dám đi ra

Khôi đất trứng Dàng

Hang ma trứng giêng.

Ông là đại diện nhờ Tun Mun tìm ra lửa làm cho con người thoát khỏi cuộc sống mông muội. Theo lời mách bảo của rùa, con người biết làm nhà ở, xuất hiện kẻ giàu, người nghèo, nảy sinh những bi kịch xã hội, cuộc đấu tranh giai cấp... Mo sử thi còn ca ngợi những nỗ lực phi thường của con người chống lại thiên nhiên khắc nghiệt và khát vọng về một cuộc sống yên bình.

Trong sử thi *Đề đất đề nước* mọi hiện tượng tự nhiên và xã hội đều được nêu lên và giải thích theo quan niệm của người xưa, sự giải thích ấy dù rất hồn nhiên nhưng thể hiện một tư duy sáng tạo và có

ơ sở thực tiễn. Sử thi không chỉ phản ánh hiện thực, mà có còn mang đậm sự sáng tạo bay bổng, cộng với tính chất trữ tình của dân ca Mường, xen kẽ vào đó là những yếu tố thần bí linh thiêng. Sự phân chia đẳng cấp trong xã hội Mường cũng được thể hiện khá rõ ràng, ăn sâu vào tâm trí người dân, cùng với cuộc sống cộng đồng Mường khá khép kín. Do đó, trong một thời gian dài, cư dân Mường đã làm cho sử thi “Đề đất đề nước” trở thành một giáo lý của tín ngưỡng dân gian mà người Mường tưởng như là một chuẩn mực xã hội, để rồi tầng lớp bình dân phục tùng tầng lớp trên (lang cun, mo, ậu). Người Mường Thành Long có câu:

Lúc nhỏ làm con Pố mế

Lớn lên làm con Cun lang

Khiêng com biếu nhà ông đạo

Gánh gạo lên nhà ông Cun, ông Quan...

Tầng lớp thống thị lang đạo cũng thấy được vai trò của sử thi *Đề đất đề nước* và đã dùng nó như một công cụ để duy trì nề nếp xã hội, mà ở đó Cun lang như một ông vua giữa bản mường. Ở Thành Long, những áng mo, đặc biệt là mo sử thi, hiện nay tuy còn nhưng có rất ít người biết và hầu hết những người biết đều đã ở vào tuổi xưa nay hiếm. Họ cũng có nguyện vọng truyền lại cho thế hệ sau, nhưng quả thật điều này là rất khó. Cái khó là vì không phải ai cũng tiếp thu được bởi nội dung những áng mo này; muốn nghe phải có giọng diễn xướng tốt, có nhiều những từ vựng cổ rất khó hiểu nghĩa không phải ai cũng làm đ-ợc. Và lại, thị hiếu của lớp trẻ nay đã khác, không còn mặn mà với

văn hoá truyền thống; do đó, đã làm cho những áng mo này bị mai một dần.

- *Hát Xường*: Khi nhắc đến nghệ thuật diễn xướng dân gian Mường thì không thể không nhắc đến Xường, đặc biệt ở người Mường ngoài sinh sống ở Thành Long trước 1945. Thể loại này được lưu truyền rộng rãi với nhiều bài Xường, nhưng tiêu biểu là các truyện thơ được diễn xướng (tiếng Mường gọi là Trảy) như: Trảy nàng con Nga (Nàng Nga - Hai Mối), trảy nàng Út Khót (truyện Hồ Liêu - Út Khót), trảy nàng Ồm (Nàng Ồm và chàng Bồng Hương). Đây là ba câu chuyện đặc sắc được lưu truyền ở Thành Long trước đây. Từ khi vào đất Thanh Hoá, Xường vẫn không bị ảnh hưởng của Xường Mường Trong và được bảo lưu hầu như trọn vẹn lối Xường Hoà Bình.

Ở Thành Long trước kia trong những đám cưới vào những đêm trăng sáng thường không thể thiếu những lối Xường do những người hát trong làng đảm nhận. Hiện nay, những người hát được Xường là rất hiếm. Vì hát Xường rất khó và hầu như không còn được tổ chức nữa; do vậy, lớp trẻ hiện nay đều không biết đến nghệ thuật này. Ở thôn Thành Công, xã Thành Long còn có 3 người biết hát xường đó là Mụ Riên, Mụ Thống (Mụ theo cách xưng hô của người Mường để chỉ những người phụ nữ cao tuổi), cả hai đều đã trên 70 tuổi và chị Xiết con của “Mụ Thống”.

5. Mấy nhận xét

Văn hoá tinh thần của người Mường xã Thành Long bao gồm tín ngưỡng tôn giáo, lễ hội, văn học, văn nghệ dân gian với

những giá trị văn hoá truyền thống đặc sắc, vừa mang những nét văn hoá chung của người Mường Hoà Bình, lại có những nét riêng của văn hoá tiểu vùng. Người Mường nơi đây ngoài việc lưu giữ những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc mình, còn có sự giao lưu văn hoá với c- dân bản địa, làm cho văn hoá tinh thần thêm đa dạng, phong phú.

Đức tin của đồng bào trong đời sống tâm linh không chỉ là chỗ dựa tinh thần cho bà con trước những khó khăn, khắc nghiệt của cuộc sống lao động sản xuất, mà còn là sự gắn kết cộng đồng, sợi dây tình cảm gắn bó họ lại trong môi trường cùng chung tín ngưỡng, tôn giáo. Nhìn vào bức tranh tín ngưỡng tôn giáo ở xã Thành Long cho thấy sự đan xen tín ngưỡng dân gian và tôn giáo lớn.

Lễ hội và văn học nghệ thuật dân gian gắn liền với đời sống sinh hoạt lao động sản xuất của người dân Mường xã Thành Long. Nó phản ánh những hoạt động về văn hoá, văn học dân gian đa sắc trong cuộc sống của đồng bào; vừa mang tính chất vui chơi giải trí, phản ánh những tư tưởng tình cảm kinh nghiệm, những ứng xử với tự nhiên và xã hội, vừa là những sinh hoạt cộng đồng, gắn kết tình cảm cộng đồng, vừa là sự tự ý thức, tự tôn về văn hoá dân tộc mình.

Qua thời gian, các yếu tố văn hoá truyền thống đã bị mai một đi nhiều. Để bảo lưu và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của người Mường ở Thành Long, thiết nghĩ cần đẩy mạnh việc tổ chức sưu tầm, bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống, từ đó, chọn lọc những yếu tố văn hoá có thể phát huy được trong cuộc sống hôm nay.